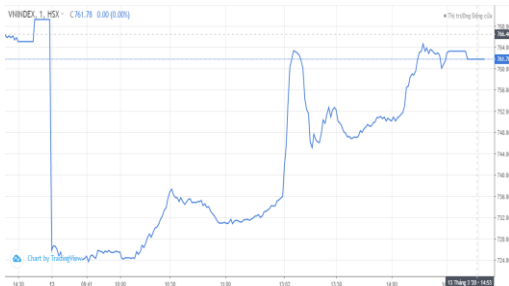


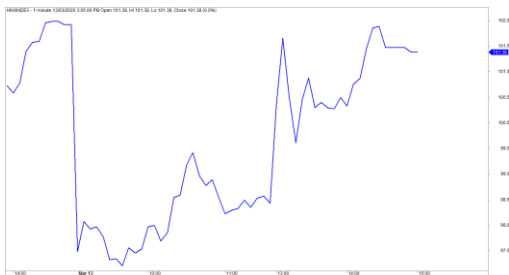
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	761.78	101.38	50.49
% ngày	-0.97%	-0.53%	-0.84%
% tuần	-14.55%	-10.80%	-8.90%
% tháng	-18.81%	-6.29%	-10.11%
% năm	-24.23%	-7.69%	-11.06%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	6,172	895	314
TB 1 tuần	5,359	830	346
TB 1 tháng	4,000	714	346
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	549.98	4.39	10.92
Bán	1,219.39	26.94	30.32
Giá trị ròng	-669.41	-22.55	-19.41
Độ rộng TT			
Mã Tăng	102	74	148
Mã Giảm	220	106	131
Không Đổi	70	192	624
Chỉ số chính			
P/E	10.83	8.57	13.48
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,639	192	755
LS Cổ tức	3.03%	6.23%	5.38%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index dao động mạnh với biên độ 723-764 điểm trong phiên cuối tuần. Các chỉ số mở cửa giảm mạnh khi thị trường chứng khoán Mỹ tiếp tục lao dốc phiên 12/03. Đến phiên chiều, lực cầu giá thấp xuất hiện giúp VN-Index thu hẹp đà giảm còn 0.97% đóng cửa tại 761.78 điểm. Chỉ số HNX-Index giảm 0.52% đóng cửa tại 101.38 điểm trong khi Upcom-Index cũng giảm 0.85%. Giá trị giao dịch khớp lệnh tiếp tục duy trì ở mức cao đạt hơn 5,300 tỷ đồng toàn thị trường.

Thị trường phân hoá trở lại với lực cầu giá thấp tham gia chủ động hơn trong phiên chiều trong bối cảnh thị trường đã về vùng được định giá rẻ. Nhóm VN30-Index ghi nhận mức giảm 0.36% giảm ít hơn nhiều so với chỉ số chính. POW(+6.1%), STB(+4.5%), TCB(+1.7%), MBB(+0.9%), HDB(+0.8%)...là những mã có mức hồi phục tích cực nhất trong VN30-Index. Ở chiều ngược lại, PLX(-5%), BVH(-4.7%), BID(-4.6%), GAS(-4%), PNJ(-3.4%), MWG(-2.8%), VNM(-1.8%)...gây giảm chỉ số nhiều nhất.

Chúng tôi nhận thấy hai mã đầu cơ tăng mạnh gần đây là AMD(+6.8%), HAI(+5.8%) tiếp tục xung lực tăng tích cực.

Khối ngoại nổi dài chuỗi phiên bán ròng và là phiên bán ròng 24 liên tiếp với giá trị 711 tỷ đồng toàn thị trường. Khối này bán ròng tập trung ở các bluechip như HPG(111tỷ), MSN(96 tỷ), VHM(51 tỷ). Ở chiều ngược lại, họ mua ròng nhỏ giọt tại D2D(2.6 tỷ), FRT(2.4 tỷ)

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ hồi phục về lại vùng 780 điểm của chỉ số VN-Index. Điểm tích cực là lực cầu bắt đáy gia tăng và TTCK thế giới đã hồi phục vào phiên cuối tuần cho nên tâm lý có thể sẽ tích cực hơn ở các phiên giao dịch đầu tuần. Đồng thời, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm và dưới mức 10% cho thấy khả năng cao thị trường sẽ sớm xác lập vùng đáy ngắn hạn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số chính với mức kháng cự ở mức 795.05 điểm của chỉ số VN-Index và 107.09 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư tiếp tục đứng ngoài thị trường cho đến khi xu hướng ngắn hạn xác lập đà tăng trở lại. Đồng thời, các vị thế bắt đáy trước đó thì có thể tiếp tục nắm giữ và không giải ngân thêm để chờ sự phản ứng của lượng lớn cổ phiếu về tài khoản.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 10% cổ phiếu/90% tiền.

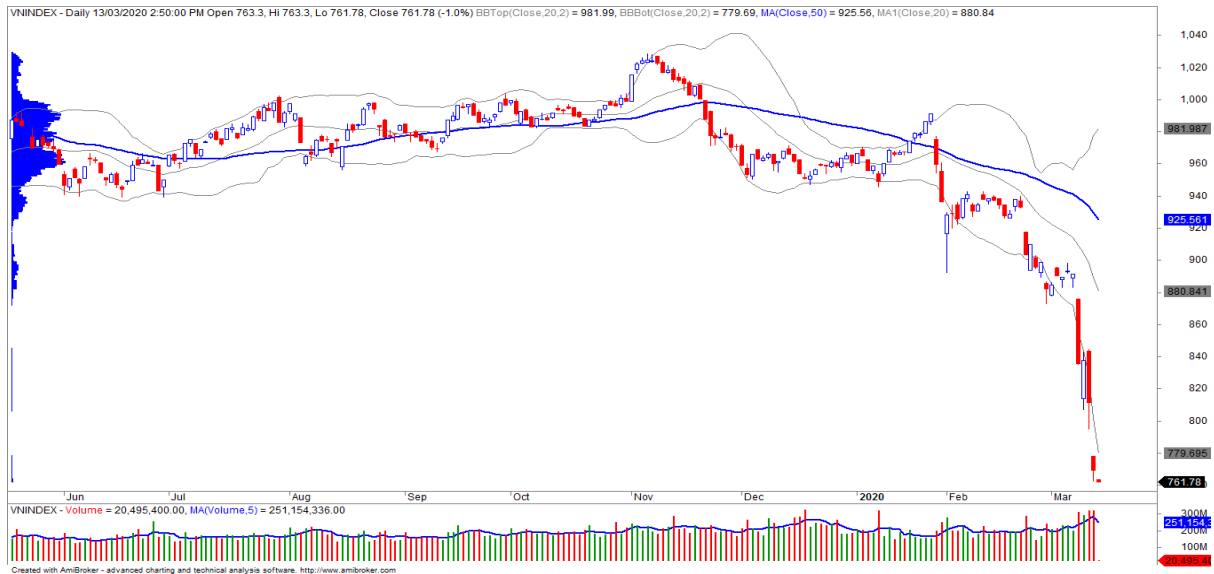
Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn: 20% cổ phiếu/80% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.10	GIẢM	GIẢM		11.27			12.35	11.21	-9.22%	BÁN
ACB	22.00	GIẢM	GIẢM		24.82			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
BFC	11.40	GIẢM	TĂNG		12.30			12.25	10.54	-6.94%	
CMX	11.30	GIẢM	TĂNG		12.99			13.50	9.24	-16.30%	
CSM	14.35	GIẢM	TĂNG		15.23			12.25	13.53	17.14%	
CTD	54.70	GIẢM	GIẢM		67.86			64.20	56.00	-12.77%	BÁN
CTG	21.95	GIẢM	GIẢM		24.46			23.55	24.15	2.55%	BÁN
CTR	32.00	GIẢM	GIẢM		42.61			49.70	40.69	-18.12%	BÁN
DCM	5.29	GIẢM	GIẢM		5.86			6.18	5.63	-8.85%	BÁN
DGW	21.95	GIẢM	GIẢM		24.82			25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHC	38.40	GIẢM	TĂNG		39.85			37.70	36.02	1.86%	
DHG	86.00	GIẢM	GIẢM		92.40			99.50	88.63	-10.93%	BÁN
DIG	11.65	GIẢM	TĂNG		13.34			12.55	11.62	-7.17%	
DPR	36.00	GIẢM	GIẢM		38.48			41.30	36.21	-12.32%	BÁN
EIB	16.40	GIẢM	GIẢM		17.57			18.40	16.46	-10.54%	BÁN
GIL	15.80	GIẢM	GIẢM		18.07			18.90	17.41	-7.89%	BÁN
HDB	23.00	GIẢM	GIẢM		25.60			29.95	25.76	-13.99%	BÁN
HSG	5.90	GIẢM	GIẢM		6.87			7.75	7.52	-2.99%	BÁN
HT1	12.50	GIẢM	GIẢM		13.76			16.90	13.91	-17.69%	BÁN
KSB	16.35	GIẢM	GIẢM		18.07			19.65	17.18	-12.59%	BÁN
LPB	7.10	GIẢM	TĂNG		8.41			7.40	6.90	-4.05%	
MPC	18.10	GIẢM	TĂNG		21.37			24.10	17.84	-24.90%	
NT2	17.50	GIẢM	GIẢM		19.86			20.55	18.73	-8.88%	BÁN
PDR	25.50	TĂNG	TĂNG	26.50	25.39	-3.77%		29.00	25.19	-12.07%	
PHR	41.00	GIẢM	TĂNG		46.71			47.20	38.94	-13.14%	
PPC	22.80	GIẢM	GIẢM		24.80			28.40	24.97	-12.09%	BÁN
SAM	9.40	GIẢM	TĂNG		9.98			7.40	8.90	27.03%	
SHI	8.00	GIẢM	GIẢM		9.06			6.99	8.30	18.67%	BÁN
SJS	16.70	GIẢM	TĂNG		19.37			17.00	16.65	-1.76%	
STB	10.40	GIẢM	GIẢM		11.18			10.20	10.85	6.35%	BÁN
TNG	13.60	GIẢM	TĂNG		13.66			15.50	13.32	-12.26%	
VGT	7.60	GIẢM	GIẢM		8.21			9.10	7.69	-15.44%	BÁN
VIB	15.40	GIẢM	GIẢM		17.55			17.70	16.76	-5.29%	BÁN
VIP	4.36	GIẢM	GIẢM		4.89			5.54	4.93	-11.08%	BÁN

We Create **Fortune**

VPB	22.50	GIẢM	GIẢM		25.49			21.90	24.70	12.77%	BÁN
VPI	40.90	GIẢM	TĂNG		41.91			41.30	40.58	-0.97%	
AAA	10.10	GIẢM	GIẢM		11.27			12.35	11.21	-9.22%	BÁN
ACB	22.00	GIẢM	GIẢM		24.82			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
BFC	11.40	GIẢM	TĂNG		12.30			12.25	10.54	-6.94%	
CMX	11.30	GIẢM	TĂNG		12.99			13.50	9.24	-16.30%	
CSM	14.35	GIẢM	TĂNG		15.23			12.25	13.53	17.14%	
CTD	54.70	GIẢM	GIẢM		67.86			64.20	56.00	-12.77%	BÁN
CTG	21.95	GIẢM	GIẢM		24.46			23.55	24.15	2.55%	BÁN
CTR	32.00	GIẢM	GIẢM		42.61			49.70	40.69	-18.12%	BÁN
DCM	5.29	GIẢM	GIẢM		5.86			6.18	5.63	-8.85%	BÁN
DGW	21.95	GIẢM	GIẢM		24.82			25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHC	38.40	GIẢM	TĂNG		39.85			37.70	36.02	1.86%	
DHG	86.00	GIẢM	GIẢM		92.40			99.50	88.63	-10.93%	BÁN
DIG	11.65	GIẢM	TĂNG		13.34			12.55	11.62	-7.17%	
DPR	36.00	GIẢM	GIẢM		38.48			41.30	36.21	-12.32%	BÁN
EIB	16.40	GIẢM	GIẢM		17.57			18.40	16.46	-10.54%	BÁN
GIL	15.80	GIẢM	GIẢM		18.07			18.90	17.41	-7.89%	BÁN
HDB	23.00	GIẢM	GIẢM		25.60			29.95	25.76	-13.99%	BÁN
HSG	5.90	GIẢM	GIẢM		6.87			7.75	7.52	-2.99%	BÁN
HT1	12.50	GIẢM	GIẢM		13.76			16.90	13.91	-17.69%	BÁN
KSB	16.35	GIẢM	GIẢM		18.07			19.65	17.18	-12.59%	BÁN
LPB	7.10	GIẢM	TĂNG		8.41			7.40	6.90	-4.05%	
MPC	18.10	GIẢM	TĂNG		21.37			24.10	17.84	-24.90%	
NT2	17.50	GIẢM	GIẢM		19.86			20.55	18.73	-8.88%	BÁN
PDR	25.50	TĂNG	TĂNG	26.50	25.39	-3.77%		29.00	25.19	-12.07%	
PHR	41.00	GIẢM	TĂNG		46.71			47.20	38.94	-13.14%	
PPC	22.80	GIẢM	GIẢM		24.80			28.40	24.97	-12.09%	BÁN
SAM	9.40	GIẢM	TĂNG		9.98			7.40	8.90	27.03%	
SHI	8.00	GIẢM	GIẢM		9.06			6.99	8.30	18.67%	BÁN
SJS	16.70	GIẢM	TĂNG		19.37			17.00	16.65	-1.76%	
STB	10.40	GIẢM	GIẢM		11.18			10.20	10.85	6.35%	BÁN
TNG	13.60	GIẢM	TĂNG		13.66			15.50	13.32	-12.26%	
VGT	7.60	GIẢM	GIẢM		8.21			9.10	7.69	-15.44%	BÁN
VIB	15.40	GIẢM	GIẢM		17.55			17.70	16.76	-5.29%	BÁN
VIP	4.36	GIẢM	GIẢM		4.89			5.54	4.93	-11.08%	BÁN
VPB	22.50	GIẢM	GIẢM		25.49			21.90	24.70	12.77%	BÁN
VPI	40.90	GIẢM	TĂNG		41.91			41.30	40.58	-0.97%	
AAA	10.10	GIẢM	GIẢM		11.27			12.35	11.21	-9.22%	BÁN



We Create Fortune

ACB	22.00	GIẢM	GIẢM		24.82			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
BFC	11.40	GIẢM	TĂNG		12.30			12.25	10.54	-6.94%	
CMX	11.30	GIẢM	TĂNG		12.99			13.50	9.24	-16.30%	
CSM	14.35	GIẢM	TĂNG		15.23			12.25	13.53	17.14%	
CTD	54.70	GIẢM	GIẢM		67.86			64.20	56.00	-12.77%	BÁN
CTG	21.95	GIẢM	GIẢM		24.46			23.55	24.15	2.55%	BÁN
CTR	32.00	GIẢM	GIẢM		42.61			49.70	40.69	-18.12%	BÁN
DCM	5.29	GIẢM	GIẢM		5.86			6.18	5.63	-8.85%	BÁN
DGW	21.95	GIẢM	GIẢM		24.82			25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHC	38.40	GIẢM	TĂNG		39.85			37.70	36.02	1.86%	
DHG	86.00	GIẢM	GIẢM		92.40			99.50	88.63	-10.93%	BÁN
DIG	11.65	GIẢM	TĂNG		13.34			12.55	11.62	-7.17%	
DPR	36.00	GIẢM	GIẢM		38.48			41.30	36.21	-12.32%	BÁN
EIB	16.40	GIẢM	GIẢM		17.57			18.40	16.46	-10.54%	BÁN
GIL	15.80	GIẢM	GIẢM		18.07			18.90	17.41	-7.89%	BÁN
HDB	23.00	GIẢM	GIẢM		25.60			29.95	25.76	-13.99%	BÁN
HSG	5.90	GIẢM	GIẢM		6.87			7.75	7.52	-2.99%	BÁN
HT1	12.50	GIẢM	GIẢM		13.76			16.90	13.91	-17.69%	BÁN
KSB	16.35	GIẢM	GIẢM		18.07			19.65	17.18	-12.59%	BÁN
LPB	7.10	GIẢM	TĂNG		8.41			7.40	6.90	-4.05%	
MPC	18.10	GIẢM	TĂNG		21.37			24.10	17.84	-24.90%	
NT2	17.50	GIẢM	GIẢM		19.86			20.55	18.73	-8.88%	BÁN
PDR	25.50	TĂNG	TĂNG	26.50	25.39	-3.77%		29.00	25.19	-12.07%	
PHR	41.00	GIẢM	TĂNG		46.71			47.20	38.94	-13.14%	
PPC	22.80	GIẢM	GIẢM		24.80			28.40	24.97	-12.09%	BÁN
SAM	9.40	GIẢM	TĂNG		9.98			7.40	8.90	27.03%	
SHI	8.00	GIẢM	GIẢM		9.06			6.99	8.30	18.67%	BÁN
SJS	16.70	GIẢM	TĂNG		19.37			17.00	16.65	-1.76%	
STB	10.40	GIẢM	GIẢM		11.18			10.20	10.85	6.35%	BÁN
TNG	13.60	GIẢM	TĂNG		13.66			15.50	13.32	-12.26%	
VGT	7.60	GIẢM	GIẢM		8.21			9.10	7.69	-15.44%	BÁN
VIB	15.40	GIẢM	GIẢM		17.55			17.70	16.76	-5.29%	BÁN
VIP	4.36	GIẢM	GIẢM		4.89			5.54	4.93	-11.08%	BÁN
VPB	22.50	GIẢM	GIẢM		25.49			21.90	24.70	12.77%	BÁN
VPI	40.90	GIẢM	TĂNG		41.91			41.30	40.58	-0.97%	
AAA	10.10	GIẢM	GIẢM		11.27			12.35	11.21	-9.22%	BÁN
ACB	22.00	GIẢM	GIẢM		24.82			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
BFC	11.40	GIẢM	TĂNG		12.30			12.25	10.54	-6.94%	
CMX	11.30	GIẢM	TĂNG		12.99			13.50	9.24	-16.30%	



We Create Fortune

CSM	14.35	GIẢM	TĂNG		15.23			12.25	13.53	17.14%	
CTD	54.70	GIẢM	GIẢM		67.86			64.20	56.00	-12.77%	BÁN
CTG	21.95	GIẢM	GIẢM		24.46			23.55	24.15	2.55%	BÁN
CTR	32.00	GIẢM	GIẢM		42.61			49.70	40.69	-18.12%	BÁN
DCM	5.29	GIẢM	GIẢM		5.86			6.18	5.63	-8.85%	BÁN
DGW	21.95	GIẢM	GIẢM		24.82			25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHC	38.40	GIẢM	TĂNG		39.85			37.70	36.02	1.86%	
DHG	86.00	GIẢM	GIẢM		92.40			99.50	88.63	-10.93%	BÁN
DIG	11.65	GIẢM	TĂNG		13.34			12.55	11.62	-7.17%	
DPR	36.00	GIẢM	GIẢM		38.48			41.30	36.21	-12.32%	BÁN
EIB	16.40	GIẢM	GIẢM		17.57			18.40	16.46	-10.54%	BÁN
GIL	15.80	GIẢM	GIẢM		18.07			18.90	17.41	-7.89%	BÁN

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.00	GIẢM	GIẢM		24.82			24.00	23.02	-4.07%	BÁN
BID	35.00	GIẢM	GIẢM		41.60				52.91		
BSR	6.80	GIẢM	GIẢM		7.78				8.84		
BVH	40.45	GIẢM	GIẢM		48.35				62.61		
CTG	21.95	GIẢM	GIẢM		24.46			23.55	24.15	2.55%	BÁN
FPT	48.15	GIẢM	GIẢM		52.05				56.69		
GAS	57.00	GIẢM	GIẢM		66.84				89.67		
GEX	13.40	GIẢM	GIẢM		15.84				19.54		
GVR	12.40	TĂNG	GIẢM	11.80	11.87	5.08%			12.77		
HDB	23.00	GIẢM	GIẢM		25.60			29.95	25.76	-13.99%	BÁN
HNG	12.95	GIẢM	GIẢM		13.41				14.51		
HPG	19.05	GIẢM	GIẢM		21.06				25.00		
HVN	20.80	GIẢM	GIẢM		23.88				28.02		
KDH	21.10	GIẢM	GIẢM		23.28				26.24		
MBB	17.10	GIẢM	GIẢM		18.75				22.55		
MSN	49.85	TĂNG	GIẢM	54.40	49.55	-8.36%			56.41		
MWG	79.00	GIẢM	GIẢM		88.70				115.75		
NVL	53.00	GIẢM	GIẢM		54.76				57.76		
OIL	6.30	GIẢM	GIẢM		6.83				8.11		
PLX	36.15	GIẢM	GIẢM		42.47				55.37		
PNJ	61.60	GIẢM	GIẢM		69.22				88.64		

We Create Fortune

POW	8.90	GIẢM	GIẢM		9.42				11.22		
QNS	24.20	GIẢM	GIẢM		25.91				28.22		
REE	28.20	GIẢM	GIẢM		30.50				34.93		
ROS	5.30	GIẢM	GIẢM		6.90				11.45		
SBT	15.90	GIẢM	GIẢM		19.16			17.50	20.07	14.66%	BÁN
SSI	13.30	GIẢM	GIẢM		15.13				18.47		
STB	10.40	GIẢM	GIẢM		11.18			10.20	10.85	6.35%	BÁN
TCB	18.25	GIẢM	GIẢM		19.99				23.81		
TPB	19.65	GIẢM	GIẢM		21.64				23.94		
VCB	71.00	GIẢM	GIẢM		78.40				91.92		
VCG	25.10	GIẢM	GIẢM		25.80				26.09		
VCS	53.90	GIẢM	GIẢM		64.43				77.55		
VEA	30.30	GIẢM	GIẢM		34.26				59.45		
VGI	21.80	GIẢM	GIẢM		26.35			28.30	24.29	-14.18%	BÁN
VHM	72.00	GIẢM	GIẢM		78.58				88.68		
VIB	15.40	GIẢM	GIẢM		17.55			15.00	16.76	11.73%	BÁN
VIC	92.50	GIẢM	GIẢM		99.06				111.22		
VJC	101.00	GIẢM	GIẢM		110.76				134.24		
VNM	99.10	GIẢM	GIẢM		104.83				114.54		
VPB	22.50	GIẢM	GIẢM		25.49			21.90	24.70	12.77%	BÁN
VRE	24.20	GIẢM	GIẢM		26.76				32.30		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.10	GIẢM	GIẢM		11.27			13.30	11.21	-15.70%	BÁN
ANV	16.10	GIẢM	GIẢM		17.59				20.46		
ASM	5.20	GIẢM	GIẢM		5.83				6.48		
BMI	18.40	GIẢM	GIẢM		20.69				25.11		
BMP	37.00	GIẢM	GIẢM		40.71				45.49		
BWE	19.20	GIẢM	GIẢM		20.80				22.61		
CEO	7.00	GIẢM	GIẢM		8.01				9.26		
CII	21.00	GIẢM	GIẢM		22.44				24.91		
CRE	19.35	GIẢM	GIẢM		21.38				23.60		
CTI	21.00	TĂNG	GIẢM	22.20	20.69	-5.41%			23.07		
CTR	32.00	GIẢM	GIẢM		42.61			43.70	40.69	-6.88%	BÁN
D2D	47.00	GIẢM	GIẢM		55.72			64.00	47.92	-25.12%	BÁN

We Create Fortune

DBD	46.00	GIẢM	GIẢM		49.30				54.53		
DCM	5.29	GIẢM	GIẢM		5.86			6.18	5.63	-8.85%	BÁN
DGW	21.95	GIẢM	GIẢM		24.82			25.20	24.11	-4.34%	BÁN
DHC	38.40	GIẢM	TĂNG		39.85			37.70	36.02	1.86%	
DIG	11.65	GIẢM	TĂNG		13.34			13.20	11.62	-11.74%	
DPG	24.80	GIẢM	GIẢM		27.56				32.83		
DPM	11.35	GIẢM	GIẢM		12.25				12.75		
DRC	17.85	GIẢM	GIẢM		20.43				25.05		
DXG	11.00	GIẢM	GIẢM		12.47				13.70		
E1VFN30	12.00	GIẢM	GIẢM		13.01				15.18		
FCN	7.11	GIẢM	GIẢM		8.51				10.51		
FLC	3.50	GIẢM	GIẢM		3.92				4.50		
GEG	21.00	GIẢM	GIẢM		22.87				24.79		
GMD	15.80	GIẢM	GIẢM		18.46				21.10		
GTN	14.25	GIẢM	GIẢM		16.37				19.23		
HAG	3.09	GIẢM	GIẢM		3.36				3.78		
HBC	8.10	GIẢM	GIẢM		9.62				12.07		
HCM	14.00	GIẢM	GIẢM		15.91				20.42		
HDC	15.30	GIẢM	GIẢM		17.21				23.28		
HDG	20.50	GIẢM	GIẢM		23.17				29.65		
HPX	27.60	GIẢM	#N/A		27.75			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	5.90	GIẢM	GIẢM		6.87			7.75	7.52	-2.99%	BÁN
HT1	12.50	GIẢM	GIẢM		13.76			16.90	13.91	-17.69%	BÁN
HTM	10.50	GIẢM	GIẢM		13.47			20.00	15.34	-23.28%	BÁN
IBC	20.90	TĂNG	GIẢM	20.80	20.09	0.48%			21.22		
IDI	3.86	GIẢM	GIẢM		4.21				4.85		
IJC	9.95	GIẢM	GIẢM		11.69				15.20		
ITA	2.04	GIẢM	GIẢM		2.22				2.57		
KBC	12.40	GIẢM	GIẢM		14.01				15.94		
KDC	16.60	GIẢM	GIẢM		17.81				19.95		
KOS	28.20	GIẢM	TĂNG		28.51			26.30	26.55	7.22%	
KSB	16.35	GIẢM	GIẢM		18.07			19.10	17.18	-10.08%	BÁN
LDG	6.39	TĂNG	GIẢM	6.66	5.97	-4.05%			7.48		
LPB	7.10	GIẢM	TĂNG		8.41			7.40	6.90	-4.05%	
MBG	11.40	GIẢM	GIẢM		15.76				25.96		
MBS	9.40	GIẢM	GIẢM		10.13				12.76		
MPC	18.10	GIẢM	TĂNG		21.37			24.10	17.84	-24.90%	
NBB	19.80	GIẢM	GIẢM		19.86				21.34		

We Create Fortune

NKG	6.18	GIẢM	GIẢM		7.24			9.51		
NLG	23.60	GIẢM	GIẢM		24.38			27.39		
NT2	17.50	GIẢM	GIẢM		19.86		20.55	18.73	-8.88%	BÁN
NTL	14.40	GIẢM	GIẢM		17.55			22.81		
NVB	8.70	GIẢM	TĂNG		9.11		8.50	8.62	2.35%	
OGC	2.99	GIẢM	GIẢM		3.28			3.70		
PC1	11.70	GIẢM	GIẢM		14.00			17.12		
PDR	25.50	TĂNG	TĂNG	26.50	25.39	-3.77%	23.59	25.19	8.07%	
PHR	41.00	GIẢM	TĂNG		46.71		47.20	38.94	-13.14%	
PPC	22.80	GIẢM	GIẢM		24.80		28.40	24.97	-12.09%	BÁN
PTB	48.20	GIẢM	GIẢM		56.33			68.86		
PVD	9.30	GIẢM	GIẢM		10.72			14.16		
PVI	29.70	TĂNG	GIẢM	30.80	27.49	-3.57%		33.18		
PVS	11.00	GIẢM	GIẢM		13.16			17.60		
PVT	9.20	GIẢM	GIẢM		10.92			13.84		
QCG	8.34	TĂNG	TĂNG	4.00	7.02	108.50%	4.28	4.40	94.86%	
SCR	3.98	GIẢM	GIẢM		4.79			5.86		
SGP	5.10	GIẢM	GIẢM		5.86			7.68		
SHB	11.00	GIẢM	TĂNG		12.10		7.10	9.06	54.93%	
SHS	6.60	GIẢM	GIẢM		7.68		7.90	7.28	-7.83%	BÁN
SZC	14.10	GIẢM	GIẢM		16.76		17.85	14.73	-17.46%	BÁN
TCH	21.90	GIẢM	GIẢM		27.09			38.78		
TCM	13.85	GIẢM	GIẢM		16.26			21.05		
TDH	7.41	GIẢM	GIẢM		8.66			10.57		
TNG	13.60	GIẢM	TĂNG		13.66		15.50	13.32	-12.26%	
TTB	2.73	GIẢM	GIẢM		3.29			5.31		
VGC	16.30	GIẢM	GIẢM		18.31			18.80		
VGT	7.60	GIẢM	GIẢM		8.21		9.10	7.69	-15.44%	BÁN
VHC	23.50	GIẢM	GIẢM		28.68			37.71		
VND	13.30	TĂNG	GIẢM	14.40	12.67	-7.64%		14.82		
VNG	13.80	GIẢM	GIẢM		15.58			18.07		
VPI	40.90	GIẢM	TĂNG		41.91		41.30	40.58	-0.97%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	4.70	GIẢM	GIẢM		6.08				7.88		
AGR	2.87	GIẢM	GIẢM		3.20				3.76		
AMD	4.26	TĂNG	TĂNG	2.35	3.50	81.28%		3.06	1.94	39.22%	
APG	9.00	GIẢM	GIẢM		9.95			9.90	9.37	-5.31%	BÁN
ART	2.70	GIẢM	TĂNG		2.92			2.30	2.12	17.39%	
BCG	5.60	GIẢM	GIẢM		6.50				7.24		
C4G	4.20	GIẢM	GIẢM		4.98				6.94		
C69	4.90	GIẢM	GIẢM		6.21				10.52		
CCL	4.86	GIẢM	GIẢM		5.94				7.40		
CVT	15.75	GIẢM	GIẢM		17.34				21.12		
DAH	8.48	GIẢM	GIẢM		9.01				10.27		
DLG	1.65	GIẢM	GIẢM		1.92				2.21		
DRH	4.82	GIẢM	TĂNG		6.06			4.70	4.74	2.55%	
DTD	9.40	GIẢM	GIẢM		11.89			12.40	10.14	-18.21%	BÁN
EVG	2.31	GIẢM	GIẢM		2.63				2.73		
FIT	6.13	GIẢM	GIẢM		6.65				9.11		
FTM	1.57	GIẢM	GIẢM		1.96				2.92		
FUES SV50	10.70	GIẢM	GIẢM		11.32				12.88		
GKM	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	15.27	3.33%		14.90	14.87	4.03%	
HAH	9.20	GIẢM	GIẢM		10.51				11.79		
HAI	4.00	TĂNG	TĂNG	3.04	3.07	31.58%		3.34	2.09	19.76%	
HAR	2.75	GIẢM	GIẢM		3.29				4.02		
HDA	7.00	GIẢM	GIẢM		7.75				9.03		
HHP	13.20	TĂNG	TĂNG	13.80	12.49	-4.35%		13.20	11.66	0.00%	
HHS	3.71	GIẢM	GIẢM		4.50			3.36	4.15	23.53%	BÁN
HID	3.22	TĂNG	TĂNG	3.06	2.66	5.23%		2.63	2.30	22.43%	
HII	13.55	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	23.18%	
HQC	1.14	TĂNG	TĂNG	1.15	1.07	-0.87%		1.15	0.89	-0.87%	
HSL	4.63	GIẢM	GIẢM		5.61				7.15		
HUT	1.80	GIẢM	GIẢM		2.15				2.43		
HVG	5.90	GIẢM	GIẢM		6.73				8.43		
HVH	9.39	GIẢM	GIẢM		10.83				13.59		
IDJ	12.50	GIẢM	GIẢM		18.08			7.20	12.83	78.14%	BÁN



We Create Fortune

JVC	2.94	GIẢM	GIẢM		3.58				3.79		
KLF	1.70	TĂNG	TĂNG	1.60	1.39	6.25%		1.50	1.33	13.33%	
LCG	5.29	GIẢM	GIẢM		6.34				7.50		
LGL	4.92	GIẢM	GIẢM		5.89				7.04		
LHG	11.70	GIẢM	GIẢM		13.36				16.07		
LMH	1.50	GIẢM	GIẢM		1.94				3.88		
MST	5.00	GIẢM	GIẢM		6.06			3.40	5.47	60.93%	BÁN
NDN	13.50	GIẢM	GIẢM		15.09				16.36		
PHC	9.99	GIẢM	GIẢM		10.60				11.50		
PLP	9.39	TĂNG	GIẢM	10.05	8.65	-6.57%			10.52		
PVB	10.40	GIẢM	GIẢM		13.21				17.58		
PVC	5.10	GIẢM	GIẢM		6.02				6.78		
PVX	0.80	GIẢM	GIẢM		1.15				1.29		
PXL	7.60	GIẢM	TĂNG		8.36			6.70	6.88	13.43%	
SHI	8.00	GIẢM	GIẢM		9.06			5.77	8.30	43.88%	BÁN
SJF	1.29	GIẢM	GIẢM		1.55				2.05		
SPP	1.20	GIẢM	GIẢM		1.59				2.01		
TDC	7.60	GIẢM	GIẢM		8.01				8.84		
TIG	6.00	GIẢM	TĂNG		7.06			3.20	5.94	87.50%	
TLH	3.10	GIẢM	GIẢM		3.18				3.80		
TNA	16.00	GIẢM	GIẢM		17.85				21.92		
TNI	9.79	GIẢM	GIẢM		10.19			10.90	9.99	-8.38%	BÁN
TSC	2.02	GIẢM	GIẢM		2.27				2.89		
TTF	2.40	GIẢM	TĂNG		2.81			2.85	2.40	-15.79%	
TTH	2.20	GIẢM	GIẢM		2.53				2.88		
TVC	28.50	GIẢM	TĂNG		30.59			14.30	26.65	99.30%	
VC3	15.30	GIẢM	GIẢM		15.82				17.32		
VCR	10.10	GIẢM	TĂNG		10.56			12.90	7.61	-21.71%	
VNA	2.20	GIẢM	GIẢM		2.78				3.80		
VNE	3.41	GIẢM	TĂNG		3.86			3.85	3.41	-11.43%	
VRC	4.92	GIẢM	GIẢM		6.26				9.77		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	761.78	-0.97%	HNI	101.38	-0.53%	UPCoM	50.49	-0.84%
VN30	716.65	-0.36%	HN30	181.55	0.11%			
VN Mid	749.76	-1.97%	VNX	689.32	-0.64%			
VN Small	649.1	-1.32%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	549.98		Mua	4.39		Mua	10.92	
Bán	1219.39		Bán	26.94		Bán	30.32	
GT ròng	-669.41		GT ròng	-22.55		GT ròng	-19.41	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
QCG	540	6.92%	L14	3700	10.00%	HND	600	4.11%
NLG	1500	6.79%	TNG	400	3.03%	OIL	200	3.28%
AMD	270	6.77%	PVS	200	1.85%	VEF	1200	1.78%
POW	510	6.08%	CEO	100	1.45%	PXL	100	1.33%
HAI	220	5.82%	NVB	100	1.16%	VGX	100	1.33%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CRE	-1450	-6.97%	AMV	-1500	-9.93%	CTR	-3200	-9.09%
LCG	-390	-6.87%	MBG	-1200	-9.52%	ACV	-4800	-8.60%
TCH	-1600	-6.81%	SHB	-200	-1.79%	MPC	-700	-3.72%
NTL	-1050	-6.80%	NDN	-200	-1.46%	NTC	-4800	-3.25%
SCR	-290	-6.79%	TVC	-300	-1.04%	VEA	-800	-2.57%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	310,507		ACB	36,609		ACV	121,433	
VCB	265,927		SHB	19,660		MCH	42,170	
VHM	236,845		VCG	11,043		VEA	41,270	
VNM	175,705		VCS	8,640		BCM	21,806	
BID	147,608		PVI	6,887		BSR	21,176	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
MSN	18,181,630	1,813,056	SHB	28,883,059	22,197,361	DDV	4,724,200	2,368
EIB	17,318,280	175,708	ACB	9,175,236	6,737,695	LPB	4,100,928	3,060,686
STB	16,477,900	12,991,811	PVS	5,762,930	2,848,335	VIB	2,739,980	2,017,842
HPG	13,970,580	6,265,536	KLF	5,059,109	1,908,478	BSR	2,054,446	2,244,482
MBB	13,232,290	7,441,554	ART	4,180,660	2,482,664	BVN	1,290,000	10,211

Nguồn: Bloomberg & YSVN

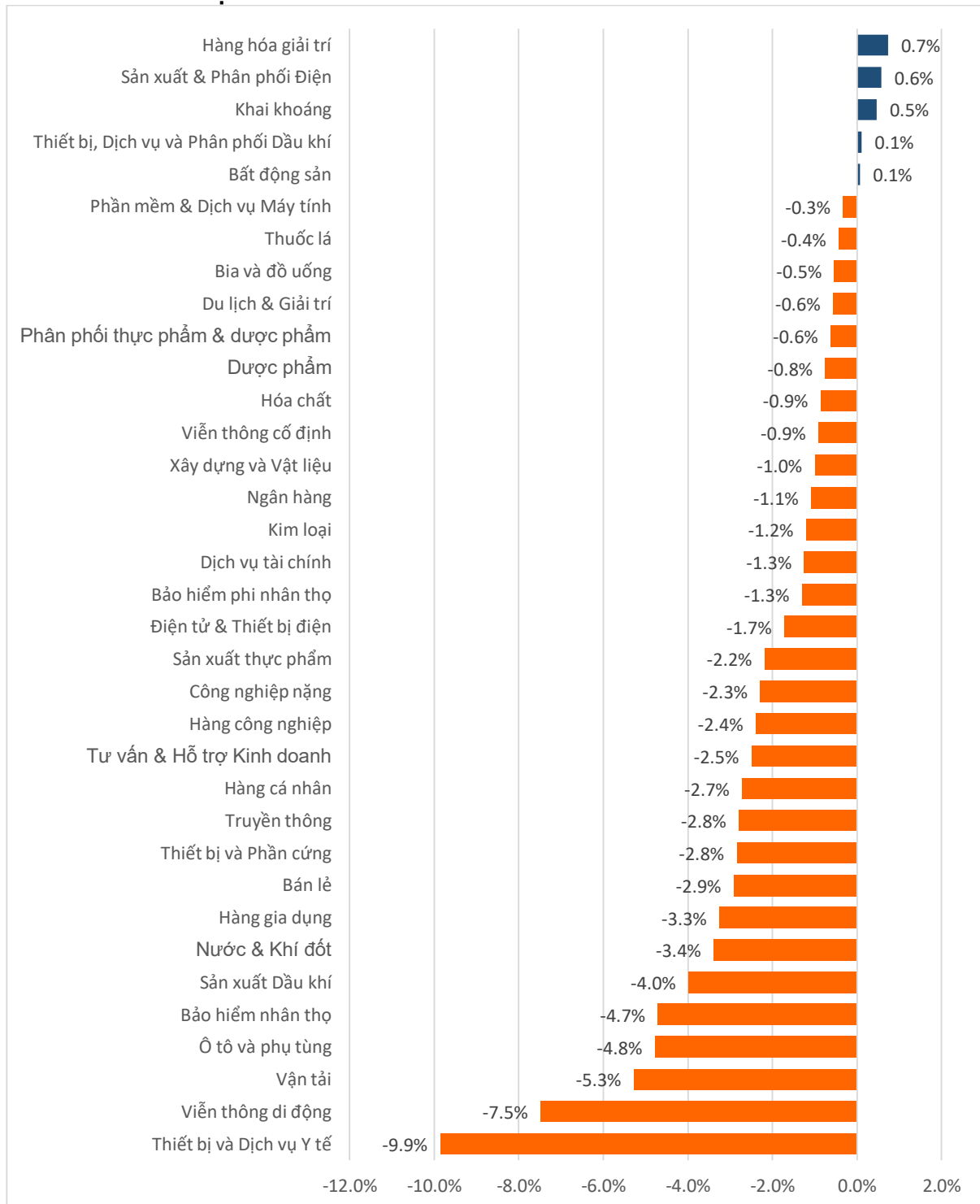
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



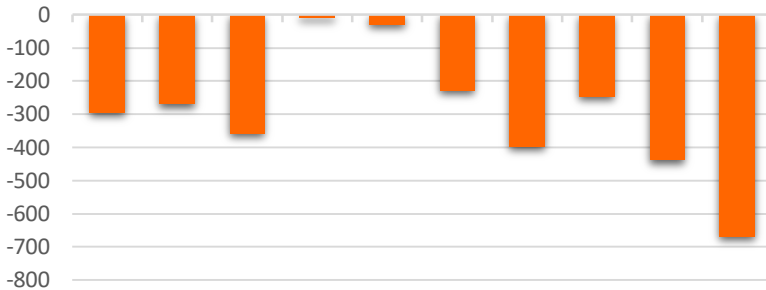
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

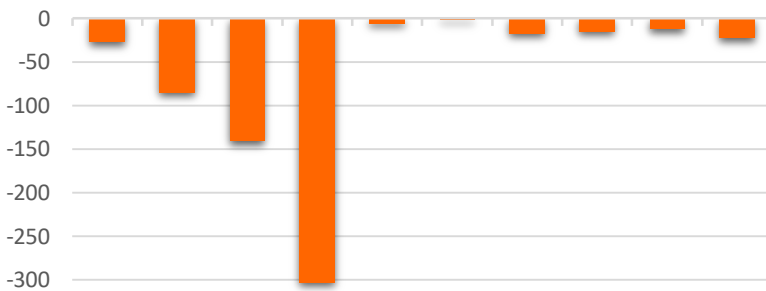
THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



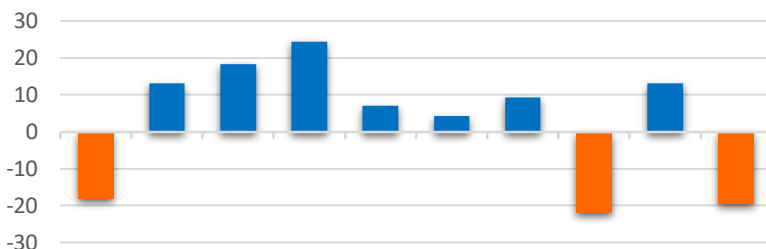
02/03 03/03 04/03 05/03 06/03 09/03 10/03 11/03 12/03 13/03

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



02/03 03/03 04/03 05/03 06/03 09/03 10/03 11/03 12/03 13/03

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



02/03 03/03 04/03 05/03 06/03 09/03 10/03 11/03 12/03 13/03

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
D2D	2,617	HPG	111,343
FRT	2,407	MSN	96,058
MWG	2,226	VHM	51,050
BMP	2,006	VRE	49,795
PHR	1,095	VIC	47,217

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
AMV	1,473	SHB	16,062
SLS	234	PVS	7,017
NBC	222	ART	331
DP3	195	PVX	259
SD6	92	TKU	200

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	1,144	ACV	12,358
CTR	277	LPB	6,959
BCM	223	VEA	1,680
VAV	138	SAS	963
KSH	102	SIP	876

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



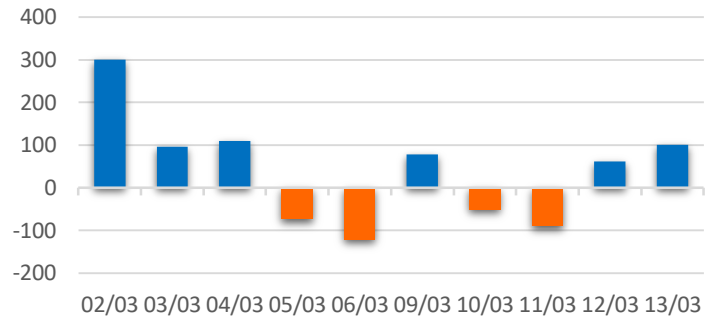
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

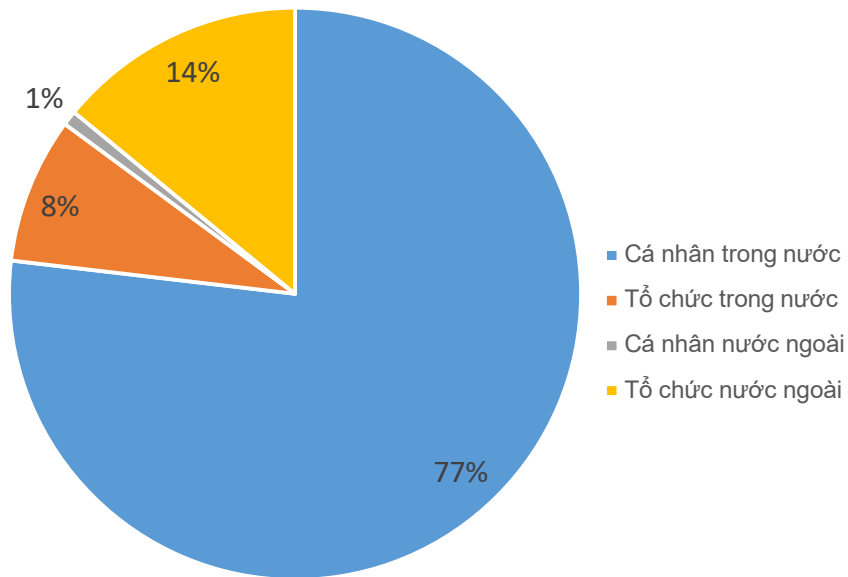
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
MSN	82,433	MWG	19,379
HPG	19,246	E1VFN30	15,030
MWG	17,196	STB	14,917
E1VFN30	13,074	TCB	10,801
VPB	12,870	MSN	9,772

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

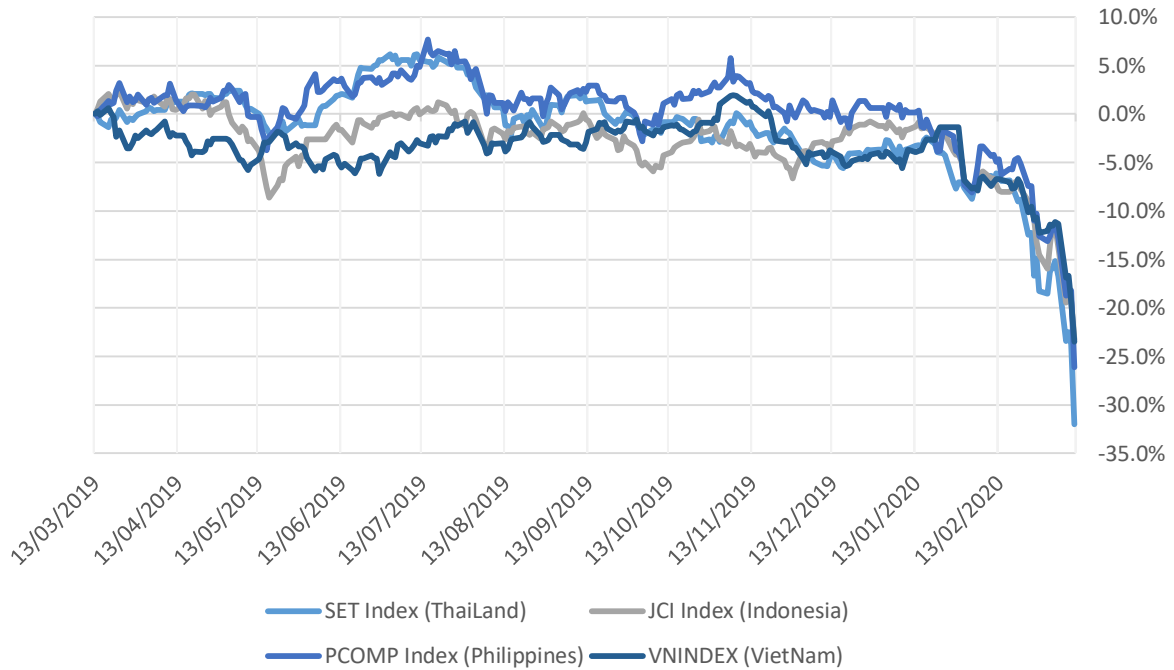


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

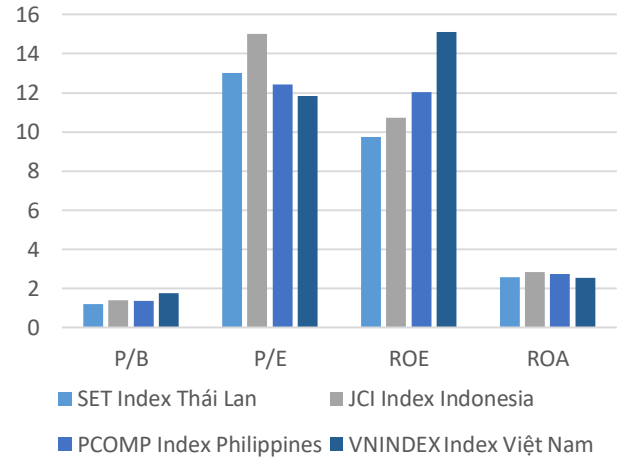
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.2x	1.4x	1.4x	1.8x
P/E		13.0x	15.0x	12.4x	11.8x
ROE	%	9.75	10.73	12.02	15.12
ROA	%	2.58	2.84	2.74	2.52
Vốn hóa	Tỷ USD	375.86	384.78	140.65	113.51
GTGD	Triệu USD	2.96	0.34	0.13	0.19
LS cổ tức	%	4.53	3.23	2.15	2.62

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written